

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH N

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 129/2024/DS-ST

Ngày: 29-8-2024

Về việc: “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thanh Phiên;

2/ Bà Hoàng Thị Thanh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện

D.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Huyện Dương C, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Võ Công Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2024/TLST-DS ngày 06-6-2024 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1959; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ nơi ĐKHKTT: Tổ 4A, khu phố 6, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ nơi cư trú hiện nay: ấp Lộc Hiệp, xã Lộc Ninh, Huyện D, tỉnh N.

Bị đơn: Chị Trần Thị Kim C, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, ấp Lộc Tận, xã Lộc Ninh, Huyện D, tỉnh N;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị Diệp, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, ấp Lộc Tận, xã Lộc Ninh, Huyện D, tỉnh N;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 5 năm 2024, lời trình bày của bà Bùi Thị T trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:*

Bà T có tham gia 04 dây hụi do chị Trần Thị Kim C làm chủ thảo. Cụ thể các dây hụi như sau:

+ Dây hụi 2.000.000 đồng khai ngày 15/6/2023, dây hụi gồm 17 phần, bà T tham gia 01 phần. Hụi khai mỗi tháng 01 lần vào ngày 15 hàng tháng. Bà T đã góp hụi cho chị C đến tháng 12/2023 được 07 kỳ. Dây hụi này khai trung bình là 500.000 đồng, bà T đã góp được số tiền 10.500.000 đồng.

+ Dây hụi 3.000.000 đồng khai ngày 05/3/2023, dây hụi gồm 17 phần, bà T tham gia 01 phần. Hụi khai mỗi tháng 01 lần vào ngày 05 hàng tháng. Bà T đã góp hụi cho chị C đến tháng 12/2023 được 10 kỳ. Dây hụi này khai trung bình là 700.000 đồng, bà T đã góp được số tiền 23.000.000 đồng.

+ Dây hụi 5.000.000 đồng khai ngày 05/8/2023, dây hụi gồm 20 phần (lúc đầu có 18 lần nhưng sau đó thêm 02 phần), bà T tham gia 03 phần. Hụi khai mỗi tháng 01 lần vào ngày 05 hàng tháng. Bà T đã góp hụi cho chị C đến tháng 12/2023 được 05 kỳ. Dây hụi này khai trung bình là 1.500.000 đồng, tổng cộng số tiền bà T đã góp là 52.500.000 đồng.

+ Dây hụi 5.000.000 đồng khai ngày 20/10/2022, dây hụi gồm 16 phần, bà T tham gia 01 phần. Hụi khai mỗi tháng 01 lần vào ngày 20 hàng tháng. Bà T đã góp hụi cho chị C đến tháng 11/2023 được 14 kỳ. Dây hụi này khai trung bình là 1.500.000 đồng, bà T góp được số tiền 49.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền hụi vốn bà T đã góp cho chị C là 135.000.000 đồng. Đến tháng 01/2024 bà Diệp có ký xác nhận nợ và sẽ cùng chị C có trách nhiệm trả nợ cho bà.

Do đó, nay bà T yêu cầu chị C và bà Diệp trả cho bà số tiền 135.000.000 (một ba mươi lăm triệu) đồng. Bà T không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Trần Thị Kim C đã được Toà án triệu tập nhưng vắng mặt.

** Lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Diệp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà thể hiện:*

Bà là mẹ ruột của chị Trần Thị Kim C. Khi chị C làm hụi bà có biết nhưng không biết cụ thể như thế nào. Đến tháng 11/2023 chị C tuyên bố bẻ hụi, tháng 01/2024 bà có xác nhận sẽ cùng C trả nợ cho các hụi viên số tiền hụi mà chị C nợ. Hiện chị C có nợ bà T số tiền 135.000.000 (một ba mươi lăm triệu) đồng

Nay bà Diệp đồng ý cùng chị C trả cho bà T số tiền 135.000.000 (một ba mươi lăm triệu) đồng

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 288 và Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của bà T đối với chị Trần Thị Kim C và bà Huỳnh Thị Diệp. Chị Trần Thị Kim C và bà Huỳnh Thị Diệp có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị T số tiền 135.000.000 (một ba mươi lăm triệu) đồng

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng góp hụi, bị đơn chị Trần Thị Kim C có nơi cư trú tại Huyện D căn cứ Điều 25, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân Huyện D giải quyết vụ án là có căn cứ.

[1.2] Chị Trần Thị Kim C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị C là có căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T thấy rằng: Theo sổ hụi do chị C lập thể hiện bà T có tham gia 04 dây hụi, dây hụi 2.000.000 đồng khai ngày 15/6/2023, gồm 17 phần, bà T tham gia 01 phần, trong danh sách bà T có vị trí 03 có tên là bác T. Dây hụi 3.000.000 đồng khai ngày 05/3/2023, gồm 20 phần, bà T tham gia 01 phần, trong danh sách hụi bà T có vị trí thứ 05 tên là bác T. Dây hụi 5.000.000 đồng khai ngày 05/8/2023, gồm 20 phần, bà T tham gia 03 phần, trong danh sách hụi bà T có vị trí thứ 05, 19, 20 tên là bác T và Tươi (do bà T tham gia dùm cháu của bà). Dây hụi 5.000.000 đồng khai ngày 20/10/2022, gồm 16 phần, bà T tham gia 01 phần, trong danh sách hụi bà T có vị trí thứ 03 tên là bác T. Đến tháng 12/2023 chị C tuyên bố bẻ hụi. Tuy các bên không có lập sổ theo dõi hụi cụ thể mỗi lần khai hụi số tiền

bao nhiêu nhưng đến ngày 11/01/2024 chị Trần Thị Kim C có làm giấy xác nhận số tiền hụi còn nợ bà T là 135.000.000 đồng, bà T cũng thống nhất nên có căn cứ xác định số tiền hụi chị C còn nợ bà T là 135.000.000 đồng.

Bà Huỳnh Thị Diệp là mẹ của chị C mặc dù không trực tiếp tham gia làm thảo hụi nhưng sau khi chị C tuyên bố bẽ hụi bà Diệp tự nguyện cùng chị C trả tiền hụi cho các hụi viên nên ký xác nhận vào giấy nợ số tiền chị C nợ bà T là 135.000.000 đồng. Do đó, bà T yêu cầu chị C và bà Diệp trả số tiền 135.000.000 (một ba mươi lăm triệu) đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Ghi nhận bà T không có yêu cầu tính lãi.

[4] Từ những phân tích nêu trên chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh N.

[5] Về án phí: $135.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 6.750.000 \text{ đồng}$.

Bà Huỳnh Thị Diệp Tộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí.

Chị C phải chịu 3.375.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 288, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 18 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP của Chính Phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T đối với chị Trần Thị Kim C và bà Huỳnh Thị Diệp về “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”.

Chị Trần Thị Kim C và bà Huỳnh Thị Diệp có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị T số tiền 135.000.000 (một ba mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự:

Bà Huỳnh Thị Diệp được miễn án phí.

Chị Trần Thị Kim C phải chịu 3.375.000 (ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng

Bà T là người cao tuổi Tộc trường hợp được miễn án phí nên không hoàn trả.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh N trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh N trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND H.DMC;
- Chi cục THADS H.DMC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP.

Lê Thị Hoàng Yến